

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 248/2024/DS-ST
Ngày: 07 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 07 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 576/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị V, sinh năm 1960; cư trú tại: tổ 01, ấp HT, xã PT, huyện TS, tỉnh An Giang. (có mặt)

- **Bị đơn:**

1. Ông Mai Văn L, sinh năm 1973. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 06, ấp BQ, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày:

Trước đây bà V nhiều lần bán thức ăn chăn nuôi tôm cho ông L, bà N. Ngày 26/10/2020, ông L thống nhất còn nợ bà V số tiền 129.000.000đ. Ngày 29/4/2021, ông L trả được 8.000.000đ, còn nợ lại 121.000.000đ đến nay vẫn chưa trả. Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông L và bà N có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 121.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 29/4/2021 đến khi thanh toán hết nợ. Lý do bà V yêu cầu bà N cùng trả nợ với ông L là do ông L, bà N là vợ chồng, mục đích mua thức ăn để chăn nuôi tôm, lo cho kinh tế gia đình. Nếu ông L, bà N có phương án trả hết nợ gốc 121.000.000đ trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày lập biên bản hòa giải ngày 29/7/2024 thì bà V không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết án bị đơn ông Mai Văn L trình bày:

Ông L thống nhất có mua thức ăn nuôi tôm của bà V, mục đích nuôi tôm để lo cho kinh tế gia đình. Thống nhất đến ngày 29/4/2021 còn nợ tiền mua thức ăn của bà V là 121.000.000đ. Do làm ăn thua lỗ nên đến nay vẫn chưa trả hết số nợ trên cho bà V. Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông và bà N có trách nhiệm liên đới trả số tiền 121.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 29/4/2021 đến khi trả hết nợ thì ông đồng ý. Nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên chưa có phương án trả nợ cho bà V.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Trần Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền 121.000.000đ theo lãi suất 0.83%/tháng.

Bị đơn ông Mai Văn L thống nhất theo yêu cầu của bà V nhưng chưa có phương án trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với bị đơn, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán”. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án bà V và ông L thống nhất các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là đúng sự thật. Bà N không có ý kiến phản đối các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà V và ông L xác lập hợp đồng mua bán trên cơ sở tự nguyện, hình thức giao dịch bằng lời nói và bằng hành vi cụ thể. Khi xác lập giao dịch các bên đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nội dung và mục đích của giao dịch không trái quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015 hợp đồng mua bán của ông bà là phù hợp với quy định pháp luật, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà V và ông L thống nhất số tiền ông L, bà N còn nợ bà V từ ngày 29/4/2021 đến nay chưa trả là 121.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông L, bà N kéo dài thời gian trả nợ là vi phạm và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà V đối với ông L và bà N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà V yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 29/4/2021 đến khi thanh toán hết nợ; ông L thống nhất thời gian tính lãi và lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi và lãi suất của bà V là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Thời gian, lãi suất và tiền lãi được tính như sau:

Nợ gốc x lãi suất x thời gian tính lãi = 121.000.000đ x 0.83%/tháng/30 ngày x 1.227 ngày (từ ngày 29/4/2021 đến ngày 07/9/2024) = 41.075.870đ.

[2.4] Về yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy mục đích ông L mua thức ăn chăn nuôi tôm để phục vụ cho kinh tế gia đình. Phần nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và không có chứng cứ thể hiện đây là phần nợ riêng của ông L. Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của ông L và bà N nên bà N và ông L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà V tổng số tiền gốc và lãi là 162.075.870đ, trong đó tiền gốc là: 121.000.000đ, tiền lãi: 41.075.870đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 121.000.000đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận.

[3.2] Ông L, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V đối với ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị V 162.075.870đ (một trăm sáu mươi hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi đồng), trong đó tiền gốc là: 121.000.000đ (một trăm hai mươi một triệu đồng), tiền lãi: 41.075.870đ (bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 121.000.000đ (một trăm hai mươi một triệu đồng) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự: Ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị N phải chịu 8.104.000đ (tám triệu một trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang